

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
10/12/2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 77/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xuất bản số 19/2012/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 44/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;

Để thực hiện Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Marrakesh thành lập Tổ chức Thương mại thế giới và Hiệp định về thành lập và thực hiện cơ chế một cửa ASEAN;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN; quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của người, phương tiện vận tải.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu, tổ chức cung cấp chữ ký và chứng thư số, tổ chức cung cấp phần mềm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia là việc người khai gửi thông tin, chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Cơ quan giải quyết

thủ tục hành chính quyết định cho phép hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; cơ quan hải quan quyết định thông quan và trả kết quả xử lý đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Cổng thông tin một cửa quốc gia là một hệ thống thông tin tích hợp để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Hệ thống xử lý chuyên ngành là hệ thống thông tin của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có chức năng xử lý hồ sơ của người khai, kết nối, trao đổi thông tin thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia.

4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi là cơ quan xử lý) là cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải.

5. Hồ sơ hành chính là các thông tin, chứng từ, tài liệu do người khai khai, nộp, xuất trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia.

6. Chứng từ điện tử là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Chứng từ điện tử là một hình thức của thông điệp dữ liệu, bao gồm các thông tin: thông tin khai, nộp của người khai, kết quả xử lý của cơ quan xử lý, thông báo của cơ quan xử lý gửi người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

7. Người khai là tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

8. Người sử dụng hệ thống là các đối tượng được phép truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

9. Cơ chế một cửa ASEAN là môi trường cho các cơ chế một cửa quốc gia của các nước thành viên ASEAN kết nối với nhau.

Điều 4. Chức năng của Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Tiếp nhận chứng từ điện tử, thông tin khai và các thông tin có liên quan, xác thực chữ ký số của người khai và các cơ quan xử lý.

2. Chuyển chứng từ điện tử, thông tin khai và các thông tin có liên quan của người khai đến hệ thống xử lý chuyên ngành đồng thời lưu trữ thông tin tiếp nhận từ người khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia nhằm mục đích tra cứu, thống kê.

3. Tiếp nhận kết quả xử lý và thông báo từ hệ thống xử lý chuyên ngành.

4. Phản hồi kết quả xử lý cho người khai và hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

Thông báo kết quả xử lý thủ tục hành chính chuyên ngành đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan phục vụ việc thông quan hàng hóa. Đồng thời phản hồi kết quả xử lý thông quan đến hệ thống xử lý chuyên ngành.

5. Lưu trữ trạng thái của các giao dịch điện tử, chứng từ điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thời hạn lưu trữ trạng thái các giao dịch điện tử và chứng từ điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và quy định lưu trữ hồ sơ của pháp luật chuyên ngành.

6. Cung cấp thông tin bao gồm: thông tin giải quyết thủ tục hành chính, thống kê số liệu theo yêu cầu từ các cơ quan xử lý và người khai phù hợp chức năng, thẩm quyền của cơ quan xử lý và quyền, trách nhiệm của người khai.

7. Đăng tải quy định của pháp luật chuyên ngành về chính sách quản lý, thủ tục hành chính và người thực hiện theo quy định của Nghị định này.

8. Kết nối với hệ thống thông tin của các quốc gia và vùng lãnh thổ theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Nguyên tắc vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia

Việc vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thương mại, bí mật kinh doanh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo tính chính xác, minh bạch, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 6. Các giao dịch điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

Các giao dịch điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (sau đây gọi là các giao dịch điện tử) bao gồm:

1. Khai, nhận, phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin khai từ Cổng thông tin một cửa quốc gia đến các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Nhận kết quả xử lý được gửi từ các hệ thống xử lý chuyên ngành tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trao đổi thông tin giữa các hệ thống xử lý chuyên ngành và hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Trao đổi thông tin giữa Cổng thông tin một cửa quốc gia Việt Nam với hệ thống thông tin của các quốc gia và vùng lãnh thổ theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết, các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Thông báo kết quả xử lý thủ tục hành chính phục vụ việc thông quan hàng hóa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Toàn bộ các thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN; quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 7. Quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia là Cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính.

2. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm:

a) Quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo trì, nâng cấp các hệ thống phần cứng, hệ thống mạng, hệ thống an ninh an toàn phục vụ cho vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia; thiết lập và duy trì hạ tầng mạng kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với các hệ thống xử lý chuyên ngành;

b) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm bảo đảm kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các Bộ, ngành có trách nhiệm bảo đảm kết nối hệ thống xử lý thủ tục hành chính của mình, bao gồm cả phần được phân cấp cho địa phương, với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

c) Quản lý, vận hành, bảo trì và nâng cấp Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan;

d) Quản lý và cấp tài khoản cho người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia;

đ) Đảm bảo duy trì hoạt động của Cổng thông tin một cửa quốc gia 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần;

e) Thông báo đến các cơ quan xử lý về phương án và thời gian dự kiến khắc phục sự cố trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố;

g) Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật đối với các hệ thống xử lý chuyên ngành và người khai khi có yêu cầu; hướng dẫn người khai về việc sử dụng tài khoản đã đăng ký để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp có vướng mắc phát sinh;

h) Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

i) Tham gia đàm phán và thực hiện các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế liên quan đến việc trao đổi thông tin giữa Cổng thông tin một cửa quốc gia với hệ thống thông tin của các quốc gia và vùng lãnh thổ.

Điều 8. Thẩm quyền và mức độ truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Người khai thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để khai thông tin, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính, nhận chứng từ hành chính, kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính và tra cứu các thông tin được công bố trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Cơ quan hải quan, các cơ quan xử lý có thủ tục hành chính xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia được truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận thông tin, xử lý và phản hồi kết quả xử lý thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu

1. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chịu trách nhiệm lưu trữ, sao lưu, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu của các giao dịch được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; áp dụng các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cần thiết để bảo mật thông tin, dữ liệu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, bảo đảm sự chia sẻ thông tin, dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Các cơ quan xử lý có trách nhiệm lưu trữ bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu đã gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia tại các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Người khai chịu trách nhiệm lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu đã cung cấp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu phải đảm bảo về sự thông suốt, toàn vẹn và an toàn của thông tin, dữ liệu được truyền nhận thông qua dịch vụ truyền nhận do tổ chức cung cấp.

5. Cơ quan quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đảm bảo Cổng thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành đáp ứng các quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn thông tin.

Điều 10. Trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Công bố Danh mục thủ tục hành chính và thời điểm thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Thống nhất mô hình hệ thống kết nối và trao đổi thông tin, yêu cầu về phương thức kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật và chỉ tiêu thông tin phục vụ triển khai cơ chế một cửa quốc gia;

c) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, lưu trữ thông tin dữ liệu và xử lý sự cố của Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Công bố thông tin, định dạng biểu mẫu các chứng từ điện tử quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Rà soát thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý để quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia phù hợp với Nghị định này và thực hiện việc công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý các giao dịch điện tử liên quan đến xử lý thủ tục hành chính của bộ, ngành mình;

d) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, lưu trữ thông tin dữ liệu và xử lý sự cố hệ thống xử lý chuyên ngành của bộ, ngành mình;

đ) Quy định thông tin, định dạng biểu mẫu các chứng từ điện tử thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 11. Đăng ký, khóa, kích hoạt, thu hồi tài khoản người sử dụng hệ thống công nghệ thông tin hải quan và chữ ký số

1. Đăng ký tài khoản người sử dụng là người khai:

Người sử dụng đăng ký tài khoản và chữ ký số tại Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tổ chức, cá nhân được sử dụng tài khoản VNeID để đăng ký tham gia kết nối với Hệ thống; Người sử dụng đăng ký thông tin theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người khai trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không chính xác thì

thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc không chấp nhận qua thư điện tử, nêu rõ lý do tới người khai. Trường hợp chấp thuận thì thông báo cho người khai bằng thư điện tử.

2. Đăng ký tài khoản người sử dụng là tổ chức đánh giá sự phù hợp, công chức của các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp danh sách người sử dụng cần cấp mới tài khoản trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, thông tin gồm: Đơn vị quản lý, họ tên, chức danh, đơn vị công tác, số điện thoại, email, căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, quyền hạn sử dụng các chức năng thuộc bộ quản lý ngành, lĩnh vực trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này và gửi văn bản thông báo đến Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày các bộ quản lý ngành, lĩnh vực cung cấp danh sách người sử dụng cần cấp mới tài khoản theo đúng yêu cầu, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia căn cứ các yêu cầu kỹ thuật về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thực hiện xem xét số lượng người sử dụng do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực yêu cầu cấp tài khoản, thực hiện cấp tài khoản và thông báo bằng văn bản về tên truy cập, mật khẩu mặc định đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực đó. Trường hợp số lượng tài khoản cấp mới ít hơn số lượng các bộ quản lý ngành, lĩnh vực yêu cầu, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia phải nêu rõ lý do trong văn bản thông báo gửi các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Khóa tài khoản người sử dụng hệ thống

a) Trong trường hợp cần khóa tài khoản, người khai hoặc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm gửi cho Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia bằng văn bản trước 05 ngày kể từ thời điểm đề nghị khóa tài khoản trong đó nêu rõ thông tin tài khoản, lý do khóa tài khoản, thời điểm đề nghị khóa tài khoản;

b) Trong trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu, người sử dụng hệ thống hoặc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gửi thông báo về Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông qua hình thức điện thoại hoặc thư điện tử để Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện khóa ngay tài khoản. Chậm nhất trong thời gian 05 giờ làm việc kể từ thời điểm khóa tài khoản, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện thông báo cho người khai hoặc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực dưới một trong các hình thức: văn bản, email, điện thoại;

c) Trong trường hợp Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia phát hiện các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu thì thực hiện khóa ngay tài khoản và thông báo tới người khai, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ngay sau khi hoàn thành việc khóa tài khoản.

4. Kích hoạt tài khoản đã khóa

a) Đề tiếp tục sử dụng tài khoản đã khóa, người khai hoặc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản gửi Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia, nêu rõ thông tin tài khoản, lý do đề nghị kích hoạt tài khoản, thời điểm kích hoạt;

b) Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện kích hoạt tài khoản đã khóa theo thời điểm đề nghị kích hoạt nêu tại điểm a khoản này. Trong trường hợp thời điểm đề nghị kích hoạt sớm hơn thời điểm nhận được văn bản đề nghị kích hoạt hoặc thời điểm đề nghị kích hoạt muộn hơn dưới 01 ngày so với thời điểm nhận được văn bản đề nghị kích hoạt thì thời gian kích hoạt là 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị kích hoạt.

5. Thu hồi tài khoản

Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện thu hồi tài khoản trong các trường hợp sau:

a) Người khai, tổ chức đánh giá sự phù hợp có văn bản đề nghị thu hồi tài khoản của mình;

b) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thông báo về việc giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động của người khai, tổ chức đánh giá sự phù hợp;

c) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thông báo về việc thu hồi tài khoản của người sử dụng là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đối tượng khác được các bộ, quản lý ngành, lĩnh vực giao quyền truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Người đề nghị thu hồi tài khoản phải có văn bản gửi Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia trong đó nêu rõ thông tin tài khoản, lý do thu hồi tài khoản, thời điểm thu hồi; đối với trường hợp giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động của người khai, tổ chức đánh giá sự phù hợp thì phải nêu rõ thời điểm giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động.

Chậm nhất trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi tài khoản, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện thu hồi tài khoản và gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện tới người đề nghị thu hồi tài khoản.

6. Quản lý tài khoản

a) Trách nhiệm của người sử dụng hệ thống

Đảm bảo an toàn, bí mật thông tin tài khoản của mình đã được cấp để truy cập trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Kịp thời thông báo cho Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp bị mất hoặc lộ thông tin tài khoản có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu.

b) Trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực

Quản lý việc sử dụng tài khoản trên Cổng thông tin một cửa quốc gia của cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức đánh giá sự phù hợp; kịp thời thông báo cho Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia về việc điều chỉnh, bổ sung, thông tin người sử dụng và tài khoản truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia, việc giải thể, phá sản, dừng hoặc tạm dừng hoạt động, thu hồi quyết định chỉ định đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Điều 12. Sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Việc sử dụng chữ ký số và giá trị pháp lý của chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Chữ ký số được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính phải được chứng thực bởi chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; chứng thư số nước ngoài được cấp giấy phép sử dụng tại Việt Nam.

3. Trường hợp thông tin đã đăng ký có sự thay đổi, chứng thư số được gia hạn, thay đổi cặp khóa; người khai phải đăng ký lại các thông tin nêu tại khoản 1 Điều 11 với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 13. Thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Quy trình thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia:

a) Người khai, các cơ quan xử lý gửi thông tin về thủ tục hành chính đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, cấp mã số hồ sơ và chuyển tiếp thông tin đến các hệ thống xử lý chuyên ngành;

c) Các cơ quan xử lý tiếp nhận, xử lý thông tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả xử lý đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả xử lý thông tin tới người khai và hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

2. Trách nhiệm của người khai:

a) Khai, nộp hồ sơ hành chính và thực hiện theo các yêu cầu xử lý thủ tục theo quy định của cơ quan xử lý khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Người khai có thể sử dụng công cụ do tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu cung cấp để tạo lập thông tin thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này;

b) Nộp thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và trung thực của nội dung đã khai và của các chứng từ đã nộp, xuất trình; sự thống nhất về nội dung thông tin giữa chứng từ giấy và chứng từ điện tử.

3. Trách nhiệm của cơ quan xử lý:

a) Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật liên quan;
b) Cơ quan xử lý gửi giấy phép hoặc kết quả xử lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Cơ quan hải quan quyết định thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên cơ sở giấy phép và kết quả xử lý của cơ quan xử lý được chuyển đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trường hợp sự cố kỹ thuật hoặc trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 14. Hồ sơ hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia

1. Chứng từ thuộc hồ sơ hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia là chứng từ điện tử, chứng từ giấy.

2. Chứng từ điện tử gồm: tờ khai, đơn đăng ký, xác nhận đăng ký hoặc các hình thức khác được khai, thông báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hành chính.

Chứng từ điện tử bao gồm cả chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy.

3. Chứng từ điện tử được nộp để thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chứng từ điện tử phải được lập theo đúng tiêu chí, định dạng mẫu do bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định;

b) Việc gửi, nhận, lưu trữ và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử được thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Chứng từ điện tử phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về thủ tục hành chính;

d) Chứng từ điện tử phải có chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thủ tục hành chính trong trường hợp thủ tục hành chính đó yêu cầu sử dụng chữ ký số.

4. Chứng từ giấy được nộp cho các cơ quan xử lý thủ tục hành chính trong các trường hợp sau:

a) Theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải nộp, xuất trình dưới dạng bản giấy;

b) Công thông tin một cửa quốc gia hoặc hệ thống xử lý chuyên ngành gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử.

Hình thức, nội dung, phương thức nộp, xuất trình phải tuân thủ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Người khai phải lưu trữ chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chuyển đổi chứng từ điện tử sang chứng từ giấy, chuyển đổi chứng từ giấy sang chứng từ điện tử

1. Việc tạo lập, chuyển đổi chứng từ điện tử từ chứng từ giấy và ngược lại được thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật chuyên ngành và quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Chứng từ điện tử chuyển đổi từ chứng từ giấy được khai báo hoặc xuất trình với cơ quan xử lý nếu đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy;

b) Có chữ ký số đã được đăng ký tham gia Công thông tin một cửa quốc gia của người khai trên chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy.

3. Chứng từ giấy chuyển đổi từ chứng từ điện tử được cấp thông qua Công thông tin một cửa quốc gia nếu đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ điện tử;

b) Có dấu hiệu nhận biết trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được in ra từ Công thông tin một cửa quốc gia. Dấu hiệu nhận biết gồm: Các thông tin thể hiện chứng từ đã được ký số bởi cơ quan cấp phép hoặc Đơn vị quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, tên và địa chỉ email, điện thoại liên hệ của cơ quan ký, thời gian ký số. Dấu hiệu nhận biết do Đơn vị quản lý Công thông tin một cửa quốc gia công bố tại địa chỉ: <https://vnsw.gov.vn>;

c) Có chữ ký, họ tên và con dấu hợp pháp của người thực hiện chuyển đổi (người khai) trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử.

Điều 16. Tiếp nhận và xử lý các vướng mắc của người sử dụng hệ thống

1. Người sử dụng hệ thống phản ánh vướng mắc thông qua một trong các hình thức: điện thoại đến tổng đài, hòm thư điện tử, gửi văn bản tới bộ phận hỗ trợ của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Thông tin về tổng đài, hòm thư điện tử được đăng tải trên Công thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Bộ phận hỗ trợ của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực nơi được phản ánh vướng mắc có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, chủ động xử lý vướng mắc thuộc phạm vi, chức năng của bộ, ngành mình;

b) Kịp thời chuyển vướng mắc thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành khác hoặc thuộc phạm vi xử lý liên ngành đến bộ phận hỗ trợ liên quan.

3. Bộ phận hỗ trợ trực tuyến của Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm:

a) Đầu mối tiếp nhận, chủ trì xử lý vướng mắc liên quan đến Cổng thông tin một cửa quốc gia, xử lý liên ngành các vấn đề vượt phạm vi xử lý của bộ, ngành;

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu Hỏi - đáp làm căn cứ hỗ trợ người sử dụng.

Điều 17. Xử lý sự cố

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia xảy ra sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng không thể trao đổi, cung cấp thông tin dưới hình thức điện tử, việc xử lý sự cố được thực hiện như sau:

1. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia đăng tải ngay thông tin sự cố trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và thông báo thông tin nêu tại điểm e khoản 2 Điều 7 cho các cơ quan xử lý có liên quan bằng hình thức công văn, điện thoại hoặc thư điện tử theo địa chỉ đã thông báo với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Các cơ quan xử lý thực hiện thông báo cho người khai bằng văn bản hoặc qua thư điện tử theo địa chỉ đăng ký thông tin người khai để hoàn thành các thủ tục đang được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Trong thời gian khắc phục sự cố, các thủ tục hành chính được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

a) Bằng hồ sơ giấy;

b) Thông qua hệ thống xử lý chuyên ngành theo hướng dẫn của cơ quan xử lý hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan xử lý phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm thông báo danh sách thủ tục hành chính được thực hiện không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trong thời gian hệ thống gặp sự cố.

5. Khi sự cố đã được khắc phục xong, chậm nhất trong 01 ngày làm việc cơ quan xử lý phải thực hiện kiểm tra, đối chiếu dữ liệu và chuyển dữ liệu đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Chương III

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 18. Khai, sửa đổi, bổ sung thông tin khai và nộp các chứng từ trong hồ sơ hành chính

1. Việc khai, sửa đổi, bổ sung thông tin khai có thể được thực hiện theo một trong các hình thức tạo lập thông tin khai điện tử sau:

a) Tạo lập thông tin Bản khai chung theo chuẩn dữ liệu do đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia hướng dẫn với các chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc khai Bản khai chung trực tiếp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Tạo lập thông tin khai theo các tiêu chí, định dạng do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng theo chuẩn dữ liệu do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia hướng dẫn; gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Việc sửa đổi, bổ sung thông tin khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính có liên quan.

3. Việc nộp các chứng từ trong hồ sơ hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Người khai hải quan được sử dụng kết quả thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tờ khai để thông quan đối với trường hợp số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu nhiều hơn so với số lượng đã khai báo trên tờ khai hải quan nhưng nằm trong dung sai số lượng, trọng lượng hàng hóa trên kết quả thủ tục hành chính nếu có quy định và là hàng xá, hàng rời, hàng lỏng, đồng nhất, cùng nhà nhập khẩu, cùng xuất xứ, cùng nhà sản xuất, được vận chuyển trên cùng phương tiện vận tải, cùng vận tải đơn trừ hàng hóa là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thì người khai hải quan được sử dụng kết quả kiểm tra thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tờ khai đó để thông quan sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và quyết định xử lý (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ hành chính và thông báo kết quả

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện:

a) Tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần;

b) Phản hồi thông tin khai điện tử đến người khai và chuyển thông tin khai điện tử đến các hệ thống xử lý chuyên ngành theo chế độ tự động.

2. Cơ quan xử lý thực hiện:

a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hành chính;

b) Thông báo tình trạng tiếp nhận đến người khai và các cơ quan liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

dưới hình thức chấp nhận hoặc từ chối hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hành chính;

c) Thông báo kết quả xử lý cho người khai và các cơ quan liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Thời hạn xử lý, thông báo tình trạng tiếp nhận hồ sơ hành chính, thông báo kết quả xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 20. Trao đổi thông tin giữa Cổng thông tin một cửa quốc gia với các hệ thống xử lý chuyên ngành và Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

Trao đổi thông tin tự động giữa Cổng thông tin một cửa quốc gia với các hệ thống xử lý chuyên ngành và Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được thực hiện như sau:

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Gửi thông tin khai hồ sơ hành chính sang hệ thống xử lý chuyên ngành của các cơ quan xử lý;

b) Nhận thông báo tình trạng tiếp nhận hồ sơ hành chính và kết quả xử lý từ hệ thống xử lý chuyên ngành, chuyển kết quả xử lý tới hệ thống xử lý chuyên ngành khác có liên quan;

c) Cung cấp thông tin tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan đến hệ thống xử lý chuyên ngành của cơ quan xử lý liên quan trong trường hợp thủ tục hành chính của cơ quan xử lý có yêu cầu cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan liên quan đến các thủ tục của cơ quan xử lý.

d) Cung cấp thông tin kết quả thủ tục hành chính chuyên ngành của cơ quan xử lý liên quan đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để phục vụ việc thông quan hàng hóa.

2. Hệ thống xử lý chuyên ngành

a) Tiếp nhận thông tin khai hồ sơ hành chính từ Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Phản hồi thông tin tiếp nhận thành công hoặc thông báo lỗi tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Thông báo kết quả tiếp nhận của cơ quan xử lý là chấp nhận hoặc từ chối hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hành chính tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Phản hồi kết quả xử lý hồ sơ hành chính của cơ quan xử lý đến Cổng thông tin một cửa quốc gia dưới hình thức thông điệp dữ liệu với các chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

Cung cấp thông tin tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan đến Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp thủ tục hành chính của cơ quan xử lý liên quan có yêu cầu cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan liên quan đến các thủ tục của cơ quan xử lý.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực

1. Thực hiện các biện pháp quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật chuyên ngành của tổ chức, cá nhân trong kiểm tra chuyên ngành nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

2. Ban hành và công bố trên Cổng thông tin một cửa quốc gia Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu sự quản lý của các bộ ngành, lĩnh vực.

a) Hàng hóa đưa vào Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu sự quản lý của các bộ ngành, lĩnh vực phải có tên gọi chi tiết kèm mã số HS phù hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

b) Hàng hóa đưa vào Danh mục hàng hóa nhập khẩu chịu sự quản lý của các bộ ngành, lĩnh vực trước thông quan phải đáp ứng yêu cầu quản lý hàng hóa trong từng thời kỳ và thuộc một trong các khả năng: gây mất an toàn cao, gây lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, cho an ninh quốc gia.

Điều 22. Phối hợp trong việc thực hiện các biện pháp quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Cơ quan hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan phát hiện hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu sự quản lý của các Bộ, ngành, lĩnh vực có dấu hiệu không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì thông báo cho cơ quan quản lý của các Bộ, ngành, lĩnh vực-lưu ý trong quá trình kiểm tra hàng hóa, không cho đưa hàng về bảo quản.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có thông tin về hàng hóa dự kiến nhập khẩu có dấu hiệu không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc xác định hàng hóa nhập khẩu cùng chủng loại với mặt hàng bị kiểm tra trong lưu thông không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thì áp dụng biện pháp kiểm tra phù hợp, đồng thời thông báo cho cơ quan hải quan không cho đưa hàng về bảo quản.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định trong quá trình kiểm tra, lấy mẫu đối với hàng hóa được đưa về bảo quản, nếu phát hiện hàng hóa nhập khẩu có số lượng, chủng loại không phù hợp với hồ sơ đăng ký kiểm tra; tự ý tiêu thụ một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thì thông báo cho cơ quan hải quan để phối hợp xử lý.

4. Tổ chức đánh giá sự phù hợp có trách nhiệm tiến hành hoạt động đánh giá sự phù hợp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật chuyên ngành; gửi kết quả đánh giá sự phù hợp đến người khai hải quan, cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Chương IV

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Mục 1

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI TÀU BAY NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 23. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế

1. Việc thực hiện thủ tục, trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại các cảng hàng không quốc tế được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.

Điều 24. Thủ tục khai báo, cung cấp và xử lý thông tin đối với tàu bay nhập cảnh

1. Người khai nộp hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử để làm thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thời hạn nộp hồ sơ dưới dạng điện tử và các chỉ tiêu thông tin của các chứng từ khai báo tại khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

2. Trường hợp quy định của pháp luật chuyên ngành yêu cầu phải nộp, xuất trình chứng từ giấy thì việc nộp, xuất trình chứng từ giấy thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi về việc đã tiếp nhận các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Các cơ quan xử lý tại cảng hàng không có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ khi người khai nộp, xuất trình đủ hồ sơ theo quy định.

5. Cảng vụ hàng không tiếp nhận các thông tin liên quan đến chuyến bay thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để hỗ trợ cho việc thực hiện quản lý chuyên ngành.

6. Cơ quan quản lý, kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh (Bộ Công an) tiếp nhận thông tin về chuyến bay, danh sách hành khách, danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay và thông tin về đặt chỗ của hành khách (thông tin PNR) thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Cơ quan hải quan tiếp nhận các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

8. Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới, tiếp nhận các thông tin liên quan đến chuyến bay thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm dịch y tế.

9. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong bộ chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia:

a) Người khai khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cơ quan xử lý tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung để thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu bay nhập cảnh;

c) Việc khai sửa đổi, bổ sung thông tin của người khai khi làm thủ tục cho tàu bay nhập cảnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 25. Thủ tục khai báo, cung cấp và xử lý thông tin đối với tàu bay xuất cảnh

1. Người khai nộp hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử để làm thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thời hạn nộp hồ sơ dưới dạng điện tử và các chỉ tiêu thông tin của các chứng từ khai báo tại khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

2. Trường hợp quy định của pháp luật chuyên ngành yêu cầu phải nộp, xuất trình chứng từ giấy thì việc nộp, xuất trình chứng từ giấy thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi về việc đã tiếp nhận các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Các cơ quan xử lý tại cảng hàng không có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ khi người khai nộp, xuất trình đủ hồ sơ theo quy định.

5. Cảng vụ hàng không tiếp nhận các thông tin liên quan đến chuyến bay thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để hỗ trợ cho việc thực hiện quản lý chuyên ngành, phản hồi thông tin hành khách thuộc danh sách cấm vận chuyển bằng đường hàng không (nếu có).

6. Cơ quan quản lý, kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh (Bộ Công an) tiếp nhận thông tin về chuyến bay, danh sách hành khách, danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay và thông tin về đặt chỗ của hành khách (thông tin PNR) thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Cơ quan hải quan tiếp nhận các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

8. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, cơ quan kiểm dịch động vật, cơ quan kiểm dịch thực vật tiếp nhận các thông tin liên quan đến chuyến bay thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để hỗ trợ cho việc thực hiện quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm dịch y tế, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật.

9. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong bộ chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia:

a) Người khai khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cơ quan xử lý tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung để thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu bay xuất cảnh;

c) Việc khai sửa đổi, bổ sung thông tin của người khai khi làm thủ tục cho tàu bay xuất cảnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 26. Khai báo, cung cấp và xử lý thông tin để thực hiện thủ tục cho tàu bay quá cảnh

Khi tàu bay nhập cảnh, việc khai báo, cung cấp và xử lý thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này. Khi tàu bay xuất cảnh, nếu có sự thay đổi thông tin trên hồ sơ so với khi nhập cảnh thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Mục 2

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI TÀU THUYỀN NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, ĐẾN, RỜI CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, CẢNG DẦU KHÍ NGOÀI KHƠI VÀ HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 27. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam

1. Việc trao đổi thông tin và thực hiện thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế và Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.

Điều 28. Hồ sơ, thời hạn khai báo và làm thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam

1. Hồ sơ làm thủ tục

Hồ sơ phải khai báo, xuất trình để làm thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng và Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống các bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

2. Thời hạn khai báo hồ sơ

Người khai thực hiện thông báo tàu thuyền đến cảng, rời cảng, quá cảnh theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; xác báo tàu thuyền đến cảng biển theo quy định tại Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Đối với các chứng từ khác, thời hạn khai báo thực hiện như sau:

a) Đối với tàu thuyền nhập cảnh:

a.1) Bản khai chung, bản khai hàng hóa, vận đơn chủ, vận đơn thứ cấp: Đối với các chuyến tàu thuyền có hành trình dưới 05 ngày, chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng; đối với các chuyến tàu thuyền có hành trình khác, chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;

a.2) Danh sách thuyền viên, danh sách hành khách, bản khai dự trữ của tàu, Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu thuyền, Bản khai hàng hóa nguy hiểm: Chậm nhất 08 giờ trước khi dự kiến cập cảng;

a.3) Giấy khai báo y tế hàng hải: Trước 12 giờ kể từ khi tàu thuyền dự kiến nhập cảnh.

a.4) Các chứng từ khác: Chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu thuyền đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu thuyền đã vào neo đậu tại các vị trí khác trong vùng nước cảng. Trường hợp nhập cảnh cảng dầu khí ngoài khơi: Chậm nhất 12 giờ sau khi trở lại bờ.

b) Đối với tàu thuyền xuất cảnh:

b.1) Danh sách thuyền viên, danh sách hành khách, bản khai vũ khí và vật liệu nổ, bản khai người trốn trên tàu thuyền: Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền dự kiến rời cảng. Các chứng từ khác: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền dự kiến rời cảng.

b.2) Riêng tàu thuyền chở khách và tàu thuyền chuyên tuyến, thực hiện ngay trước thời điểm tàu thuyền dự kiến rời cảng.

c) Đối với tàu thuyền quá cảnh: Khi nhập cảnh, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này. Khi xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ so với khi nhập cảnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ quan xử lý tại cảng biển, cảng thủy nội địa

1. Cơ quan xử lý chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ nộp theo phương thức điện tử hoặc chứng từ xuất trình (bản giấy) và làm thủ tục cho tàu thuyền theo chức năng nhiệm vụ và quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

2. Trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau đối với cùng một chứng từ do người khai khai báo, cơ quan xử lý đảm nhiệm vai trò đầu mối và có thẩm quyền quyết định cuối cùng được xác định như sau:

a) Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với Bản khai chung;

b) Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Bản khai hàng hóa, Bản khai hàng hóa nguy hiểm, Bản khai hành lý, Bản khai dự trữ tàu;

c) Cơ quan kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh (Bộ Quốc phòng) chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Danh sách hành khách, Danh sách thuyền viên, Bản khai người trốn trên tàu, Bản khai vũ khí vật liệu nổ;

d) Cơ quan kiểm dịch y tế chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Bản khai y tế hàng hải, Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền, Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền, Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có).

3. Cấp phép điện tử

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục đã khai, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phản hồi kết quả xử lý cho Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa để hoàn thành thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh. Việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với tàu thuyền nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho thuyền trưởng, doanh nghiệp kinh doanh cảng, cảng vụ biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng, trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Cơ quan kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục về hành khách, thuyền viên, thủ tục an ninh đối với tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Cơ quan kiểm dịch y tế xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục đăng ký kiểm dịch y tế tàu thuyền xuất phát hoặc đi qua vùng dịch hoặc trên tàu thuyền có người xuất phát hoặc đi qua vùng dịch hoặc đang có người chết trên tàu thuyền, tàu thuyền có mang tro cốt, thi hài, mô hoặc bộ phận cơ thể người;

d) Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa xác nhận hoàn thành thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Phối hợp trong tiếp nhận, trao đổi thông tin

a) Trường hợp không cho phép tàu thuyền nhập cảnh hoặc quá cảnh theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam, cơ quan xử lý phải thông báo lý do thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho các bên liên quan để phối hợp xử lý.

b) Quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan xử lý liên quan không phản hồi kết quả xử lý, cơ quan cảng vụ quyết định các nội dung quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp phát hiện thông tin khai báo không chính xác hoặc không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan xử lý hướng dẫn người khai khai sửa đổi, bổ sung và thông báo cho các cơ quan liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

d) Trường hợp một cơ quan từ chối hồ sơ điện tử nhưng vẫn tiếp tục xử lý bên ngoài hệ thống dựa trên hồ sơ giấy, cơ quan từ chối hồ sơ phải ghi rõ lý do từ chối trên hệ thống và phản hồi kết quả cho các bên liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Các cơ quan xử lý còn lại có thể quyết định tiếp tục xử lý hồ sơ trên hệ thống hoặc chuyển sang xử lý hồ sơ giấy.

Mục 3

THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

Điều 30. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

1. Thủ tục hành chính đối với phương tiện vận tải đường bộ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc thực hiện thủ tục, trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin đối với phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương (cửa khẩu chính) được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới có trách nhiệm xây dựng, kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.

Điều 31. Hồ sơ làm thủ tục, thời hạn khai báo, thời hạn khai sửa đổi, bổ sung đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

1. Hồ sơ làm thủ tục:

Hồ sơ phải khai báo, xuất trình để làm thủ tục đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số

08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP; Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống các bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

2. Thời hạn khai báo hồ sơ

Chậm nhất 30 phút trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đến khu vực cửa khẩu.

3. Thời hạn khai sửa đổi, bổ sung

a) Đối với phương tiện nhập cảnh: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu. Riêng bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan và việc sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu dự kiến đến cảng hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa sai khác, thừa, thiếu có xác nhận của cơ quan hải quan;

b) Đối với phương tiện xuất cảnh: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi phương tiện vận tải đến khu vực cửa khẩu.

Điều 32. Khai báo, cung cấp và xử lý thông tin đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

1. Đối với phương tiện nhập cảnh:

Trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu nhập, người khai nộp hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này để làm thủ tục đối với phương tiện vận tải nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; nội dung chỉ tiêu thông tin của các chứng từ thuộc hồ sơ khai báo được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động kiểm tra tính đầy đủ của các thông tin khai báo, đối chiếu với thông tin Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế do cơ quan có thẩm quyền cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cấp số tiếp nhận thông tin phương tiện vận tải nhập cảnh, phản hồi cho người khai biết và tự động chia sẻ thông tin tờ khai hải quan (nếu có), dữ liệu phương tiện vận tải và người điều khiển phương tiện vận tải cho các lực lượng chức năng, cơ quan quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu theo trường dữ liệu tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.

Phương tiện vận tải chỉ được phép nhập cảnh sau khi được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận phương tiện hoàn thành thủ tục nhập cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Đối với phương tiện xuất cảnh:

Trước khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu xuất, người khai nộp hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử theo các chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 05 ban hành kèm Nghị định này để làm thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; nội dung chỉ tiêu thông tin của các chứng từ thuộc hồ sơ khai báo được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp phương tiện vận tải chở lô hàng xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, cơ quan hải quan thực hiện việc chia sẻ dữ liệu thông tin tờ khai hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và chuyển đến các cơ quan chức năng tại cửa khẩu để phục vụ yêu cầu quản lý theo chức năng, nhiệm vụ.

Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động kiểm tra tính đầy đủ của các thông tin khai báo, đối chiếu với thông tin Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế do cơ quan có thẩm quyền cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cấp số tiếp nhận thông tin phương tiện vận tải xuất cảnh, phản hồi cho người khai biết và tự động chia sẻ thông tin, dữ liệu phương tiện vận tải và người điều khiển phương tiện vận tải cho các lực lượng chức năng, cơ quan quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu theo trường dữ liệu tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.

Phương tiện vận tải chỉ được phép xuất cảnh sau khi được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận phương tiện hoàn thành thủ tục nhập cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 33. Tiếp nhận, phản hồi, xử lý thông tin khai báo hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

1. Cơ quan xử lý tại cửa khẩu có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với chứng từ có liên quan thuộc bộ hồ sơ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ sơ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không hợp lệ thì cơ quan xử lý phản hồi thông tin từ chối hồ sơ kèm lý do cho người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Cơ quan xử lý tại cửa khẩu thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra chứng từ có liên quan thuộc hồ sơ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

a) Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới

Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra y tế theo quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới. Xác nhận thời gian hoàn thành thủ tục đăng ký kiểm dịch y tế đối với trường hợp phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua vùng dịch, hoặc trên

phương tiện vận tải có người xuất phát hoặc đi qua vùng dịch, hoặc đang có người chết trên tàu, tàu có mang tro cốt, thi hài, mô hoặc bộ phận cơ thể người. Phản hồi kết quả lên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Cơ quan Hải quan cửa khẩu biên giới:

Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Kết thúc kiểm tra, nếu phù hợp thì phản hồi hoàn thành thủ tục xuất nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp phương tiện vận tải có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan phản hồi cho người điều khiển phương tiện biết, đưa phương tiện vào khu lưu giữ riêng tại khu vực cửa khẩu để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Cơ quan kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh (Bộ đội biên phòng)

Bộ đội biên phòng cửa khẩu tiếp nhận, xử lý thông tin đối với người điều khiển, phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg ngày 02 tháng 09 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý sửa đổi các Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ để xác nhận hoàn thành thủ tục đối với người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

d) Trạm Quản lý vận tải Bộ Xây dựng (nếu có)

Tiếp nhận, kiểm tra thông tin Giấy phép vận tải và thực hiện xác nhận theo quy định tại Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; cập nhật thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

đ) Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu (Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới)

Tiếp nhận thông tin về phương tiện vận chuyển hàng hóa để triển khai thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại khu vực cửa khẩu

Cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu biên giới căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm: Tiếp nhận, phản hồi việc đã tiếp nhận đối với thông tin/chứng từ cung cấp theo phương thức điện tử; tiếp nhận đối với chứng từ nộp bản giấy; kiểm tra đối với chứng từ xuất trình bản giấy; xác nhận hoàn thành thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh. Việc

tiếp nhận, phản hồi việc tiếp nhận và xác nhận hoàn thành thủ tục thực hiện tự động thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho người làm thủ tục và các bên liên quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

1. Thời hạn thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh

Thời hạn thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh không quá 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục khai báo thông tin đầy đủ, hợp lệ và gửi thông tin chứng từ điện tử tới hệ thống;

Trường hợp hệ thống gặp sự cố thì thời hạn thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh ngay khi người làm thủ tục nộp, xuất trình đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan xử lý

a) Cơ quan xử lý chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ nộp theo phương thức điện tử hoặc chứng từ xuất trình (bản giấy) và làm thủ tục cho phương tiện vận tải theo chức năng nhiệm vụ và quy định pháp luật chuyên ngành;

b) Trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau đối với cùng một chứng từ do người khai khai báo, cơ quan xử lý đảm nhiệm vai trò đầu mối và có thẩm quyền quyết định cuối cùng được xác định như sau:

Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Giấy giao tiếp hàng hóa; Vận đơn; Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu; Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo trên phương tiện vận tải (nếu có).

Bộ đội biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Người điều khiển phương tiện; Danh sách hành khách trên phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh.

Cơ quan kiểm dịch y tế chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: Bản khai y tế; Giấy chứng nhận kiểm tra phương tiện vận tải; Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa (trên phương tiện vận tải); Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, tro cốt, Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có).

c) Phối hợp trong tiếp nhận, trao đổi thông tin

Trường hợp không cho phép phương tiện vận tải nhập cảnh hoặc quá cảnh theo quy định tại điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam, cơ quan xử lý phải thông báo lý do thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho các bên liên quan để phối hợp xử lý.

Trường hợp quá thời hạn khai sửa đổi bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này, nếu cơ quan xử lý liên quan không phản hồi kết quả xử lý thì cơ quan hải quan sẽ quyết định các nội dung theo quy định.

Trường hợp phát hiện thông tin khai báo không chính xác hoặc không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan xử lý hướng dẫn người khai khai sửa đổi, bổ sung và thông báo cho các cơ quan liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp một cơ quan từ chối hồ sơ điện tử nhưng vẫn tiếp tục xử lý bên ngoài hệ thống dựa trên hồ sơ giấy, cơ quan từ chối hồ sơ phải ghi rõ lý do từ chối trên hệ thống và phản hồi kết quả cho các bên liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Các cơ quan xử lý còn lại có thể quyết định tiếp tục xử lý hồ sơ trên hệ thống hoặc chuyển sang xử lý hồ sơ giấy.

Điều 35. Đối với phương tiện vận tải đặc thù

1. Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đặt liền trong phạm vi xác định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới), tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp trước thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định.

Chủ phương tiện hoặc đơn vị quản lý vận hành phương tiện phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu theo mục III Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này lên Cổng thông tin một cửa quốc gia và không phải làm thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh. Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động kiểm tra tính đầy đủ của các thông tin khai báo để cấp số tiếp nhận thông tin phương tiện vận tải, tự động chia sẻ thông tin phương tiện vận tải cho các lực lượng chức năng, cơ quan quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về quy trình, thủ tục, kiểm tra, giám sát và kiểm soát hải quan đối với phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ phương tiện hoặc đơn vị quản lý vận hành phương tiện được nêu tại khoản 1 Điều này xây dựng Hệ thống quản lý vận hành phương tiện và kết nối hệ thống với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để tiếp nhận, xử lý thông tin qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hoá nội địa ra vào khu vực cửa khẩu để giao, nhận hàng hoá nhưng không xuất cảnh nhập cảnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có cửa khẩu biên giới phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện việc khai báo, tiếp nhận, chia sẻ thông tin về phương tiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để triển khai thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu theo quy định.

Mục 4

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI TÀU HỎA LIÊN VẬN QUỐC TẾ NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 36. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

1. Việc trao đổi thông tin và thực hiện thủ tục đối với tàu hỏa liên vận và thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại các ga liên vận quốc tế được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; nội dung chỉ tiêu thông tin của các chứng từ thuộc hồ sơ khai báo được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng và Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.

Điều 37. Hồ sơ làm thủ tục đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

Hồ sơ phải khai báo, xuất trình để làm thủ tục đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP; Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống các bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

Điều 38. Thời hạn khai báo hồ sơ đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

1. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh: Chậm nhất 30 phút trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới.

2. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh: Chậm nhất 30 phút trước khi tàu rời ga đối với tàu khách hoặc 01 giờ đối với tàu hàng.

3. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế quá cảnh: Khi nhập cảnh, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, khi xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ so với khi nhập cảnh thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 39. Thời hạn khai sửa đổi, bổ sung đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

1. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh:

a) Giấy giao tiếp hàng hóa; Vận đơn; Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

Riêng việc sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu dự kiến đến ga hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa sai khác, thừa, thiếu có xác nhận của cơ quan hải quan.

b) Các chứng từ khác: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu đến ga.

2. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh:

a) Danh sách thành viên tàu, danh sách hành khách, bản khai vũ khí và vật liệu nổ, bản khai người trốn trên tàu thuyền: Trước thời điểm tàu rời ga liên vận quốc tế.

b) Các chứng từ khác: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời ga.

Riêng việc sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu rời ga hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa sai khác, thừa, thiếu có xác nhận của cơ quan hải quan.

3. Đối với tàu quá cảnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này khi nhập cảnh hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này khi xuất cảnh.

Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan xử lý

1. Các cơ quan xử lý tại ga liên vận quốc tế có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với chứng từ có liên quan thuộc bộ hồ sơ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không hợp lệ thì cơ quan xử lý phản hồi thông tin từ chối hồ sơ kèm lý do cho người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Các cơ quan xử lý tại ga liên vận quốc tế thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra chứng từ có liên quan thuộc hồ sơ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

a) Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới

Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra y tế theo quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới. Xác nhận thời gian hoàn thành thủ tục đăng ký kiểm dịch y tế đối với trường hợp phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua vùng dịch, hoặc trên phương tiện vận tải có người xuất phát hoặc đi qua vùng dịch, hoặc đang có người chết trên tàu, tàu có mang tro cốt, thi hài, mô hoặc bộ phận cơ thể người. Phản hồi kết quả lên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Cơ quan hải quan cửa khẩu biên giới

Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ, và thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá

cảnh theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Kết thúc kiểm tra, nếu phù hợp thì phản hồi hoàn thành thủ tục xuất nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp phương tiện vận tải có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan phản hồi cho người điều khiển phương tiện biết, đưa phương tiện vào khu lưu giữ riêng tại khu vực cửa khẩu để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Cơ quan kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh (Bộ đội biên phòng)

Bộ đội biên phòng cửa khẩu tiếp nhận, xử lý thông tin đối với người điều khiển, phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ xác nhận hoàn thành thủ tục đối với người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Mục 5

THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH QUA CỬA KHẨU ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 41. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh

1. Việc thực hiện thủ tục, trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin đối với phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh; thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại cửa khẩu đường thủy nội địa được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng và Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận xử lý thông tin.

Điều 42. Hồ sơ, thời hạn khai báo và làm thủ tục, thời hạn khai sửa đổi, bổ sung đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa

1. Hồ sơ làm thủ tục

Hồ sơ phải khai báo, xuất trình để làm thủ tục đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội

địa thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng, Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới và theo chỉ tiêu thông tin được Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

2. Thời hạn khai báo hồ sơ

Chậm nhất 30 phút trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đến khu vực cửa khẩu.

3. Thời hạn khai sửa đổi, bổ sung

a) Đối với phương tiện nhập cảnh: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu. Riêng bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan và việc sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi phương tiện vận tải dự kiến đến cửa khẩu hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa sai khác, thừa, thiếu có xác nhận của cơ quan hải quan;

b) Đối với phương tiện xuất cảnh: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi phương tiện vận tải đến khu vực cửa khẩu.

4. Thủ tục đối với tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Nghị định này.

Điều 43. Trách nhiệm của các cơ quan xử lý tại khu vực cửa khẩu đường thủy nội địa

1. Cơ quan xử lý chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ nộp theo phương thức điện tử hoặc chứng từ xuất trình (bản giấy) và làm thủ tục cho phương tiện vận tải đường thủy nội địa theo chức năng nhiệm vụ và quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

2. Trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau đối với cùng một chứng từ do người khai khai báo, cơ quan xử lý đảm nhiệm vai trò đầu mối và có thẩm quyền quyết định cuối cùng được xác định như sau:

a) Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các chứng từ: các chứng từ theo quy định tại Điều 79 Nghị

định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;

b) Bộ đội biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm chính và thẩm quyền quyết định đối với Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách, Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).

c) Cơ quan kiểm dịch y tế chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền cuối cùng đối với các chứng từ: Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có).

3. Cấp phép điện tử

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục đã khai, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thông báo kết quả xử lý cho Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc Cảng vụ hàng hải để hoàn thành thủ tục đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa. Việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho thuyền trưởng, doanh nghiệp kinh doanh cảng, cảng vụ biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng, trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bộ đội biên phòng cửa khẩu xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục về hành khách, thuyền viên, thủ tục an ninh đối với phương tiện đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

c) Cơ quan kiểm dịch y tế xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục đăng ký kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất phát hoặc đi qua vùng dịch hoặc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa có người xuất phát hoặc đi qua vùng dịch hoặc đang có người chết trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa, phương tiện vận tải đường thủy nội địa có mang tro cốt, thi hài, mô hoặc bộ phận cơ thể người;

d) Cảng vụ đường thủy nội địa xác nhận phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh và cấp giấy phép đến, rời cảng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Phối hợp trong tiếp nhận, trao đổi thông tin

a) Trường hợp không cho phép phương tiện vận tải đường thủy nội địa theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam, cơ quan xử lý phải thông báo lý do thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho các bên liên quan để phối hợp xử lý.

b) Quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan xử lý liên quan không phản hồi kết quả xử lý, cơ quan cảng vụ quyết định các nội dung quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp phát hiện thông tin khai báo không chính xác hoặc không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan xử lý hướng dẫn người khai khai sửa đổi, bổ sung và thông báo cho các cơ quan liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

d) Trường hợp một cơ quan từ chối hồ sơ điện tử nhưng vẫn tiếp tục xử lý bên ngoài hệ thống dựa trên hồ sơ giấy, cơ quan từ chối hồ sơ phải ghi rõ lý do từ chối trên hệ thống và phản hồi kết quả cho các bên liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Các cơ quan xử lý còn lại có thể quyết định tiếp tục xử lý hồ sơ trên hệ thống hoặc chuyển sang xử lý hồ sơ giấy.

Chương V

THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ ĐỂ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 44. Thực hiện các thỏa thuận, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia là đầu mối tiếp nhận và trao đổi thông tin, chứng từ điện tử của cơ quan nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ có ký kết các thỏa thuận, điều ước về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nội dung trao đổi và tiêu chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 45. Giá trị pháp lý của thông tin và chứng từ điện tử được trao đổi theo các thỏa thuận, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử

Các thông tin, chứng từ điện tử được trao đổi giữa cơ quan nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cơ quan, tổ chức thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ có ký kết các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế về trao đổi

thông tin và chứng từ điện tử với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia Việt Nam có giá trị pháp lý như chứng từ giấy khi đảm bảo các điều kiện sau:

1. Đáp ứng đầy đủ những điều kiện được quy định tại các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết, tham gia.
2. Được công nhận có giá trị pháp lý như chứng từ giấy tại các thỏa thuận, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết, gia nhập.
3. Đáp ứng đầy đủ những điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

Điều 46. Thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN

1. Việc trao đổi, sử dụng và chia sẻ các thông tin và chứng từ điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN phải phù hợp với thỏa thuận mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia với tư cách thành viên trong việc thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN.
2. Thông tin và dữ liệu được trao đổi và chia sẻ bởi Cổng thông tin một cửa quốc gia của một nước thành viên đến Cổng thông tin một cửa quốc gia của một quốc gia thành viên khác thông qua môi trường Cơ chế một cửa ASEAN sẽ được sử dụng và lưu trữ theo các quy định của thỏa thuận mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia với tư cách thành viên trong việc thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN.
3. Thông tin và chứng từ điện tử được truyền và trao đổi thông qua Cơ chế một cửa ASEAN được cơ quan hải quan sử dụng để thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và trao đổi, chia sẻ thông tin với các bộ, ngành đối với lĩnh vực liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc trao đổi thông tin để thực hiện các thỏa thuận, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan:
 - a) Xây dựng và triển khai Cổng thông tin một cửa quốc gia để triển khai Cơ chế một cửa ASEAN và trao đổi thông tin với các quốc gia, vùng lãnh thổ có ký kết thỏa thuận, điều ước về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Đề xuất việc công nhận lẫn nhau đối với thông tin và chứng từ điện tử được trao đổi với các quốc gia và vùng lãnh thổ để đơn giản hóa hồ sơ chứng từ, thủ tục nhằm giảm thời gian thông quan và giải phóng hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.

2. Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và bộ, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với nhau trong việc trao đổi thông tin chứng từ xuất xứ hàng hóa điện tử, giấy kiểm dịch điện tử, chứng từ vận tải và các chứng từ thương mại liên quan khác với các nước thành viên ASEAN và các quốc gia, vùng lãnh thổ khác thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ... và thay thế Nghị định số 85/2019/NĐ-CP.

Điều 49. Điều khoản chuyển tiếp

Thủ tục hành chính thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa thực hiện khai Bản khai chung theo điểm a khoản 1 Điều 18 của Nghị định này, chưa phản hồi kết quả xử lý theo điểm d khoản 2 Điều 20 của Nghị định này tiếp tục thực hiện cho đến hết ngày (dự kiến 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực). Các bộ, cơ quan xử lý thực hiện sửa đổi pháp luật chuyên ngành; nâng cấp, sửa đổi hệ thống xử lý chuyên ngành để thực hiện khai Bản khai chung theo điểm a khoản 1 Điều 18 của Nghị định này, phản hồi kết quả xử lý theo điểm d khoản 2 Điều 20 của Nghị định này kể từ ngày”.

Điều 50. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

